TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm H, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ E, KDC ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ E, KDC ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Lê Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông bà là tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K - bà H bất đồng quan điểm sống trong cả những việc nhỏ của gia đình, thường xuyên cải vã. Mặc dù nhiều lần gia đình hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ thời gian đó đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà H xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/5/2019, hiện nay con chung đang sống chung với ông K. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Điều kiện kinh tế: Hiện nay bà là lao động tự do - nhân viên phục vụ quán nước ở Bình Dương với mức lương dao động từ 10 – 13 triệu đồng một tháng, không có bảng lương, phiếu lương hay được hưởng bảo hiểm. Từ khi con chung được bên ông K chăm sóc thì bà không hỗ trợ kinh tế để nuôi con do hai bên đang mâu thuẫn không thể nói chuyện được với nhau.

Điều kiện chăm sóc con: Bà thừa nhận việc bản thân cũng đi làm xa, hiện đang ở trọ cùng với gia đình gồm ba mẹ và em gái. Gia đình bà ở K vẫn có nhà cửa nhưng do hoàn cảnh nên lễ tết hoặc dịp đám tiệc mới về quê thăm nhà và cháu N là con gái nên cần sự gần gũi, chăm sóc từ người mẹ hơn cha.

Điều kiện sinh hoạt: Bà thừa nhận cháu N được gia đình ông K cho đi học mẫu giáo, chăm sóc và phát triển tốt. Tuy nhiên, bà H không đồng ý việc giáo dục cháu N có thái độ xa lánh, không được gần mẹ của gia đình ông K.

Điều kiện thăm nuôi con: Gia đình ông K nhiều lần ngăn cản không cho bà và gia đình đến thăm con chung, việc thăm con vô cùng khó khăn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nên ông đồng ý ly hôn với bà H

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung với họ tên, ngày tháng năm sinh như bà H trình bày. Con chung từ trước đến nay do ông K và gia đình ông chăm sóc, ông không đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của bà H. Nếu Tòa án giải quyết cho ông được nuôi con chung thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Điều kiện kinh tế: Hiện nay ông là công nhân giày da ở B - Bình Dương với mức lương dao động từ 10 – 15 triệu đồng một tháng. Hàng tháng Công ty chuyển lương qua tài khoản ngân hàng nên ông hoàn toàn có thể chứng minh được thu nhập của bản thân. Do ông K, bà H đều đi làm xa nên sau khi sinh con được 40 ngày tuổi thì giao lại cho ba mẹ ông chăm sóc đến nay. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu tuẫn, hàng tháng ông vẫn gửi tiền về để cha mẹ chăm lo cho cháu N từ 3 – 4 triệu đồng.

Điều kiện chăm sóc con: Ông thừa nhận việc bản thân cũng đi làm xa, hiện đang ở trọ nhưng khi nào có dịp nghỉ làm như lễ tết ông vẫn sắp xếp về thăm con, hằng ngày ông vẫn cố định mỗi tối điện về nói chuyện với con.

Điều kiện sinh hoạt: Cháu N hiện có hộ khẩu tại K, được gia đình ông cho theo học tại trường M. Cháu N là cháu đầu nên gia đình chăm sóc rất kỹ, ngoài ông bà nội thì có anh trai ông K chưa có gia đình cũng hỗ trợ chăm cháu.

Điều kiện thăm nuôi con: Bà H cho rằng gia đình ông có hành vi ngăn cản bà H thăm con là không đúng, do không muốn ảnh hưởng đến việc học của cháu nên có lời qua tiếng lại chứ việc thăm con thì gia đình ông không ngăn cản. Trong thời gian ông bà xảy ra mâu thuẫn bà H có ý định bắt con, do nuôi lâu ngày ông bà mến cháu nên sợ chứ không ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Ngày 08/11/2023, Tòa án ban hành Quyết định số 330 về việc yêu cầu ông K, bà H cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của hai bên, ông bà nhận được nhưng đến nay không có phản hồi.

Tòa án tiến hành xác minh mối quan hệ, điều kiện sinh hoạt, chăm sóc của cháu N: Theo các biên bản xác minh tại Ban N1, xã K thì ông K, bà H đều đi làm xa, cháu N được khoảng 4 tuổi được cha mẹ ông K chăm sóc từ khi còn nhỏ đến nay, cháu được gia đình cho đi học mẫu giáo. Ban N1 chưa nghe thông tin hoặc ghi nhận việc có mâu thuẫn khi thăm nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà H và ông K bảo lưu ý kiến và giao nộp các phiếu nhận lương gần nhất vào tháng 10, 11/2023.

Bà H trình bày: Bà đang làm công nhân cho một công ty giày da ở Bình Dương với thu nhập 8.800.000đ/tháng, do là thử việc nên bà chỉ nhận 85%

lương, đến tháng tiếp theo bà sẽ nhận được khoảng 12 -13 triệu đồng. Bà đang sống với cha mẹ ở Bình Dương, mẹ bà hiện đang giữ một bé khoảng 13 tháng tuổi – con của anh bà nên trường hợp Hội đồng xét xử giao quyền nuôi con chung, bà sẽ cho bé đi học ở một cơ sở tư nhân về giữ trẻ (khoảng 100 bé) với mức 1.600.000đ/tháng và tiếp tục cho đi học khi bé vào tiểu học, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K trình bày: Ông hiện là công nhân ở B - Bình Dương với thu thập khoảng 13.000.000đ/tháng. Ông mong bà H để ông được tiếp tục nuôi con nhằm tạo sự ổn định cho bé đi học và cuộc sống hằng ngày. Trường hợp Hội đồng xét xử giao quyền nuôi con chung cho ông, ông tự nguyện xin nghỉ việc ở Bình Dương để về quê tìm việc làm sống gần gũi, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ 7 tuổi, ông sẽ theo nguyện vọng của bé muốn tiếp tục sống với ai, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông đã nộp hồ sơ xin việc tại bộ phận giao hàng của V và đang chờ kết quả.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét cử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông K và bà H.

- Về con chung: Cháu Bảo N hiện do ông K cùng gia đình chăm sóc từ khi 40 ngày tuổi đến nay đã gần 5 tuổi, cháu hiện có hộ khẩu tại K, được chăm sóc, phát triển tốt và cho đi học.

Bà H hiện nay đang cùng gia đình sống và làm việc tại Bình Dương, việc giao con chung cho bà sẽ làm thay đổi đột ngột môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của bé. Bên cạnh đó, ban N1 chưa ghi nhận việc mâu thuẫn trong thăm nôm con chung của bà H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, tiếp tục giao cho con chung cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận sự tự nguyện của ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H chung sống với ông K đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông K hiện có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông K là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 23/11/2018 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên hòa giải, ông bà thống nhất trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống và thuận tình ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà H.

[3.2] Về con chung: Ông bà thống nhất có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/5/2019, hiện do ông K và gia đình cùng chăm sóc.

Bà H và ông K đều có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về điều kiện nuôi con: Tại phiên hòa giải, cả hai trình bày thu nhập ổn định từ 10 – 13 triệu đồng mỗi tháng nhưng ông bà không thực hiện việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày trên theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, ông bà cung cấp bảng lương tháng 11/2023 thể hiện bà H có thu nhập 8.800.000đ, ông K gần 12.000.000đ/tháng. Theo tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì bà H, ông K đều chưa có nhà riêng, bà H đang sống chung phòng trọ cùng gia đình gồm ba, mẹ và anh trai tại Bình Dương; ông K sống với gia đình tại K. Như vậy, xét về điều kiện nuôi con, nơi sinh sống ông K và bà H có điều kiện ngang nhau.

- Về việc nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con: Theo kết quả xác minh và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, cháu N hiện sống cùng cha mẹ ông K tại K;

cháu được chăm sóc, phát triển tốt, cháu được cho đi học mẫu giáo, bà H cũng thừa nhận việc này.

Ông K cho rằng cháu N là cháu đầu của gia đình nên ông bà rất yêu thương, tình cảm gắn bó thì tình cảm mẹ con cũng như thế. Hơn nữa cháu N là nữ cần sự chăm sóc, gần gũi với mẹ nhiều hơn là điều cần thiết. Tuy nhiên, cháu N đã được gia đình ông K chăm sóc từ khi 40 ngày tuổi đến nay, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này.

- Về việc thăm nom con chung: Ông K thừa nhận trong thời gian hai bên phát sinh mâu thuẫn, cháu N còn quá nhỏ, gia đình ông sợ bà H dẫn con đi nên có hành vi ngăn cản không cho bà thăm con. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông K cùng gia đình ông yêu thương, chăm sóc cháu N là đều đáng quý nhưng không vì thế mà chia cắt tình cảm mẹ con. Cháu N là con người có tình cảm, tâm lý, cháu cần được yêu thương nhiều hơn khi không được sống chung với cha mẹ. Tuy nhiên, thời gian về sau cháu N đã lớn, ổn định tâm lý nên việc thăm nuôi diễn ra thuận lợi hơn, việc này được Ban N1 xác nhận trong thời gian gần đây không ghi nhận hay có thông tin về việc xảy ra mâu thuẫn trong thăm nuôi con của ông bà.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N cho ông K và gia đình ông nuôi dưỡng là phù hợp với sức khỏe, hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông K cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Ông K không phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều

84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm H.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Diễm H và ông Nguyễn Quốc K.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120 ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quốc K được tiếp tục nuôi cháu có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/5/2019.

Công nhận tự nguyện của ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008690 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2023) thời hạn kháng cáo của đương sự được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp- Lưu hs

Nguyễn Thị Thảo Ngân